

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138 /2017/HSST

Ngày: 26- 9 -2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thế Dũng

2. Ông Vương Minh Tân

Thư ký - Toà án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Thảo - cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Q mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thế V; sinh ngày 07/10/1995;

Trú tại: Thôn 8, xã Tân T, huyện V, tỉnh Y;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Hoàng Văn N sinh 1971 và bà Hà Thị L, sinh 1973; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

* Nhân thân:

- Ngày 01/3/2010, Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Y ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng, về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 01/11/2011 chấp hành xong.

- Ngày 24/6/2013, Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Y quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng, ngày 01/4/2015 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Quang L; sinh ngày 11/4/1998; tên gọi khác: Cảo

Trú tại: Thôn Yên L, xã Hoàng Ki, huyện Y, tỉnh Q.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; con ông Hà Văn G, sinh 1972 và bà Trần Thị V, sinh 1980; vợ, con: chưa có;

Tiền án: Bản án số 57/2015/ HSST, ngày 10/9/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Y xử phạt 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (ngày 22/5/2015, trộm cắp tài sản trị giá 9.491.000 đồng). Ngày 24/02/2016 chấp hành xong án phạt tù.

Tiền sự: Không.

* Nhân thân:

- Ngày 02/7/2012, UBND huyện Y, tỉnh Q Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 04/7/2014 chấp hành xong.

- Ngày 15/6/2015, Công an huyện Y, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính, phạt 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

3. Trần Minh Q; sinh ngày 04/9/1998;

Trú tại: Thôn Yên L, xã Hoàng K, huyện Y, tỉnh Q.

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn T, sinh 1976 và bà Trần Thị T, sinh 1976; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/5/2017, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên toà.

* Người bị hại:

1. Chị Mai Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: thôn Cây Đ, xã Vĩnh L, huyện S, tỉnh Q; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Trần Thị C, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xóm 14, xã Kim P, huyện Y, tỉnh Q. (Có đơn xin xét xử vắng).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Minh H, sinh năm 1998: Trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố T, tỉnh Q. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Cháu Hà Thị Hồng H, sinh năm 2000.

Người đại diện hợp pháp của cháu H là ông Hà Văn Ph, Trú tại: Thôn Yên L, xã Hoàng K, huyện Y, tỉnh Q. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông Hà Văn G, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn Yên L, xã Hoàng K, huyện Y, tỉnh Q (có mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trong 02 ngày, ngày 28 và ngày 29/4/2017, trên địa bàn thành phố T, tỉnh Q Các bị cáo Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L đã có hành vi cướp tài sản, cụ thể như sau:

Lần 1: Chiều ngày 27/4/2017, V rủ L đi cướp tài sản lấy tiền chi tiêu L nói “để xem đã”, sau đó nhắn tin rủ Q đi cướp tài sản. Q đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 28/4/2017 Q đi xe mô tô nhãn hiệu Hon da super Dream (xe mượn của Trần Minh

H) đến nhà L, L vào bếp lấy 01 con dao chuôi gỗ dài 32 cm. V lấy 01 con dao chuôi gỗ dài 42 cm mang theo người, rồi ngồi sau xe do Q điều khiển đi hướng thành phố T; trên đường đi, V bảo với L, Q nếu thấy người đi đường một mình thì Q điều khiển xe ép vào lề đường, còn L và V sẽ cướp tài sản.

Khi đi đến khu vực gần Ủy ban nhân dân xã Lương V (thuộc thôn Hợp H, xã Lương V, thành phố T), thấy chị Mai Thanh H đi xe mô tô hướng lên thành phố T; Q điều khiển xe đi theo tăng ga vượt lên xe của chị H, V cầm dao đập vào mũ bảo hiểm của chị H quát “dừng lại”; chị H dừng lại, V và L xuống xe, cầm dao chỉ vào mặt chị H, V dùng sòng dao đập vào cánh tay bên phải của chị H và quát “đưa tiền đây”, chị H nói “chị không có tiền, cho chị xin...”, L cũng cầm dao chỉ vào mặt chị H yêu cầu chị H đưa tiền, chị H hoảng sợ lấy 1.100.000đ trong túi đang đeo trên người đưa cho V, L giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone X6302 của chị H, V giật sợi dây chuyền bạc trên cổ chị H. Sau đó, V và L lên xe mô tô (Q ngồi trên xe chờ sẵn) cùng nhau đi đến quán Intrenet “không gian” ở đường Lê L, (thuộc phường T) chơi điện tử. Trên đường đi, V thấy sợi dây chuyền bạc nhỏ không có giá trị nên vứt ở ven đường, không nhớ chính xác địa điểm (cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm). Số tiền cướp được của chị H, V chia mỗi người 300.000đ, còn lại 200.000đ, V đưa Q để trả tiền chơi điện tử và tiền taxi, chiếc điện thoại L lấy sử dụng; 02 con dao, L và V mang về nhà L cất vào chỗ cũ.

Tại kết luận số 62 ngày 08/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: điện thoại X phone X6302, giá trị còn lại là 43.000đ. Đối với sợi dây chuyền, do không có tài sản, không có đủ thông tin về số loại; đặc tính, chất lượng tài sản, không xác định giá trị tài sản.

Ngày 27/6/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Mai Thanh H.

Lần 2: Chiều ngày 28/4/2017 L và V nhận tin rủ Q đi Cướp tài sản, Q đồng ý. Sau đó, L mượn xe mô tô nhãn hiệu Hon đa super Dream của chị Hà Thị Hồng H cùng V mang về nhà L, tháo bỏ BKS của xe, rồi đi chơi điện tử. Khoảng 01 giờ ngày 29/4/2017, sau khi mượn được xe của H, Q gọi điện thoại cho L, hẹn gặp nhau ở quán Internet quang Khê (thuộc xã Hoàng Khai); L và V về nhà L lấy 02 con dao trước đó đã dùng để cướp tài sản của chị H rồi quay lại gặp Q, một mình Q điều khiển 01 xe mô tô, L điều khiển 01 xe mô tô chở V đi theo hướng ra thành phố T.

Khoảng 03 giờ cùng ngày 29/6/2017, thấy chị Trần Thị C điều khiển xe mô tô hướng suối khoáng Mỹ L đi thành phố T, qua gầm cầu vượt; L, Q liền điều khiển xe đi theo khoảng 100m, Q tăng ga xe vượt lên phía xe chị C, ép xe chị C vào lề đường bên phải, làm chị C ngã xuống đường; L và V đi xe từ phía sau đến, xuống xe và cầm dao chỉ vào mặt chị C, V quát “im mồm, có tiền đưa hết đây”, chị C nói “chị đi làm thuê không có tiền đâu, cho chị xin” V dùng tay lục túi áo chị C tìm tài sản. Khi V đang lục túi chị C, chưa lấy được tài sản gì thì có xe mô tô từ hướng suối khoáng Mỹ L đi đến nên L, V, Q cùng lên xe bỏ chạy về nhà L, cất 02 con dao vào bếp.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L đã thành khẩn nhận tội.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 112/QĐ-KSĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L về tội Cướp tài sản, theo điểm d (*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*) khoản 2 Điều 133 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang luận tội giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và quyết định truy tố các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L phạm tội Cướp tài sản;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; đoạn 1 đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thế V từ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù đến 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; đoạn 1, đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; đoạn 1 đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Quang L từ 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; đoạn 1 đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Minh Q từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại chị Mai Thanh H số tiền 1.100.000đ, tịch thu tiêu hủy 02 con dao, phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người bị hại, theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa, không ai tranh luận. Bị cáo V, L, Q xin được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Hoàng Thế V, Hà Quang L, Trần Minh Q thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Tuyên Quang truy tố. Phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L đã 02 lần có hành vi cướp tài sản cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 02 giờ ngày 28/4/2017, tại khu vực thôn Hợp H, xã Lưỡng V, thành phố T; Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L đã có hành vi dùng dao đe dọa cướp 1.100.000đ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone X 6302, trị giá 43.000đ của chị Mai Thanh H.

- Lần 2: Khoảng 03 giờ ngày 29/4/2017, tại khu vực tổ 13, phường Hưng T, thành phố T: Hoàng Thế V, Trần Minh Q, Hà Quang L đã có hành vi dùng dao đe dọa cướp tài sản của chị Trần Thị C nhưng chưa cướp được tài sản gì.

Các bị cáo sử dụng phương tiện xe mô tô đi nhanh chặn xe của người bị hại phải dừng lại, dùng hung khí nguy hiểm đe dọa ngay tức khắc để chiếm đoạt số tiền 1.100.000đ, điện thoại, dây chuyền bạc của chị H, làm cho chị C bị ngã xe hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội nên các bị cáo đã phạm tội Cướp tài sản; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Phản tranh luận, kiểm sát viên luận tội, gửi nguyên tội danh, điều khoản đã truy tố các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ xin được giảm nhẹ mức án để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Những người tham gia tố tụng khác, không tham gia tranh luận.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo lợi dụng đêm khuya vắng vẻ, đường phố ít người qua lại, những người bị hại là những phụ nữ đi một mình, không có khả năng chống cự để các bị cáo phạm tội; khi thực hiện phạm tội, thể hiện sự hung hăng, táo tợn khiến cho người bị hại hoảng sợ không dám chống cự lại mà đứng im để các bị cáo lục soát lấy tiền nên cần phải xử lý nghiêm minh và trừng trị thích đáng để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án, xác định V và L là người khởi xướng việc phạm tội, Q chuẩn bị phương tiện xe mô tô và dùng xe mô tô chặn ngang ép xe của người bị hại chị H, chị C buộc phải dừng xe lại. Vũ và Linh đập sống dao vào mũ bảo hiểm vào tay của những người bị hại, L quát im mồm đưa hết tiền ra đây và lục soát người của các bị hại để lấy tài sản nên các bị cáo có vai trò ngang nhau. Tuy nhiên bị cáo L có nhân thân xấu, đang có tiền án, lại 02 lần cướp tài sản nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm; ngoài ra bị cáo đã có thời gian đi tập trung tại trường giáo dưỡng nên cần có mức án cao hơn bị cáo V và bị cáo Q; Bị cáo V có nhân thân xấu, đã có thời gian đi tập trung tại trường giáo dưỡng nên cần có mức án cao hơn bị cáo Q;

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo đều 02 lần phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; bị cáo L đang có tiền án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm cần áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại đoạn 1, đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải áp dụng đoạn 1, đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho cả 3 bị cáo.

Xét mức án Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và đã xem xét, vận dụng các quy định của pháp luật đối với các bị cáo, mức án như vậy là phù hợp nên chấp nhận.

* Về vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone X 6302 màu đen, có bàn phím là tài sản của chị Mai thanh H. Ngày 08/6/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị H nên HĐXX không xem xét.

Khi bắt giữ cơ quan điều tra thu giữ 01 con dao bằng kim loại, chuôi gỗ, dài 42 cm, phần lưỡi dao rộng nhất 7,2 cm. 01 con dao chuôi gỗ, dài 32 cm, lưỡi dao rộng nhất 05 cm là của anh Hà Văn G; tại phiên tòa anh G không xin lại 02 con dao, anh đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy, nên HĐXX chấp nhận tuyên tịch thu tiêu hủy.

Về 02 xe mô tô nhãn hiệu Hon da super Dream Q, L xe mượn của Trần Minh H, Hà Thị Hồng H sau khi thực hiện hành vi cướp tài sản xong các bị cáo đã trả lại cho H, H nên cơ quan điều tra không tạm giữ. Đối với Trần Minh H và Hà Thị Hồng H khi cho mượn xe H, H không biết bị cáo dùng để đi Cướp tài sản nên HĐXX không xem xét.

Về dân sự: tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.100.000đ và không yêu cầu bồi thường sợi dây chuyền bạc. Xét thấy số tiền 1.100.000đ do các bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho chị H số tiền là 1.100.000đ (*một triệu một trăm nghìn đồng*) phần của mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 366.666đ (làm tròn số thành 366.670đ.

Chị Trần Thị C không yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự, nên HĐXX không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật TTHS và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: các bị cáo Hà Quang L, Hoàng Thế V, Trần Minh Q phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; đoạn 1 đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Thế V 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2017.

2/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; đoạn 1, đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; đoạn 1 đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **Hà Quang L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2017.

3/ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; đoạn 1 điểm g khoản 1 Điều 48; đoạn 1 đoạn 2 điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ Luật Hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo **Trần Minh Q 07 (bảy) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 15/5/2017.

4/ Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; 587, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Hà Quang L, Hoàng Thế V, Trần Minh Q các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị Mai Thanh H số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng), phần của mỗi bị cáo là 366.666đ (làm tròn số thành 366.670đ)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) con dao.

Tình trạng các đồ vật tịch thu, tiêu hủy như Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố T với Chi cục THA dân sự thành phố Q, lập ngày 09/8/2017.

6. Áp dụng các Điều 99, 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Q;
- VKSND tỉnh, VKSND thành phố;
- Công an thành phố;
- Sở Tư pháp TQ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Người tham gia tố tụng ;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vương Minh Tân

Trần Thế Dũng

Nguyễn Thị Ngọc Lan

4. Về vật chứng

..